

Số: 20/2022/QĐCNTTLH

Đơn Dương, ngày 20 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Trần X và bà Đàm Thị L.

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022 về việc yêu cầu ly hôn của ông Trần X; Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02/6/2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ông Trần X, sinh năm 1987; địa chỉ: số 220/19, đường N, Phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Bà Đàm Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: số 02 đường Đ, Khu phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 6 năm 2022 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Người khởi kiện ông Trần X và người bị kiện bà Đàm Thị L đều xác định quá trình chung sống từ sau khi kết hôn không thể hòa hợp, đã ly thân được 05 năm, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Thủy T, sinh ngày 09/12/2016 cho ông Trần X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, bà Đàm Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Các bên xác nhận không tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T2, huyện T;
- Lưu AV, hồ sơ CNKQHG.

Võ Thành Luân